

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh.

Bà Dương Bích Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 579/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 12/4A Khu vực Th, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Ngọc G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng N trình bày:

Qua tìm hiểu, chị và anh Trần Ngọc G kết hôn với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2018 cấp ngày 28/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần thì thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do tính cách không hợp nhau. Do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Mặc dù chị đã bỏ qua rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể nào sống hòa hợp với nhau nên đã sống ly thân.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh G có 02 con chung tên Trần Phúc H, sinh ngày 28/12/2018 và Trần Phúc L, sinh ngày 21/10/2022, các con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 7.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc G đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh G vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hoàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Hoàng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc G đang cư trú tại xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Ngọc G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh G.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng N thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2018 ngày 28/9/2018 do Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ cấp nên xác định quan hệ giữa chị Nguyễn Hoàng N với anh Trần Ngọc G là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Hoàng N thể hiện quá trình chung sống giữa chị và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, vợ chồng không yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Qua các lần triệu tập đoàn tụ nhưng anh G vắng mặt thể hiện anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh G không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh G.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị N và anh G có 02 con chung tên Trần Phúc H, sinh ngày 28/12/2018 và Trần Phúc L, sinh ngày 21/10/2022, các con đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 7.500.000 đồng.

Xét thấy: Anh G vắng mặt cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung của chị N. Chị N hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con chung vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường và cuộc sống

ổn định, con chung có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng chị N. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của con nên cần phải tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình như sau: *“Trường hợp người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng thì Tòa án giải thích cho họ việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con...”*. *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Căn cứ vào Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định thì địa bàn huyện C, tỉnh Long An thuộc Vùng I với mức lương tối thiểu vùng là 4.960.000 đồng/tháng. Qua đó thì chị N yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và mỗi tháng anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.480.000 đồng và thay đổi khi lương tối thiểu vùng thay đổi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Anh Trần Ngọc G chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng N về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng N được ly hôn với anh Trần Ngọc G.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Phúc H, sinh ngày 28/12/2018 và Trần Phúc L, sinh ngày 21/10/2022 cho chị Nguyễn Hoàng N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Ngọc G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.480.000 đồng (thay đổi khi lương tối thiểu vùng thay đổi), thời hạn cấp dưỡng từ ngày 28/02/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Hoàng N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số: 0013411 ngày 07/10/2024. Chị N đã nộp xong.

Anh Trần Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

